

Số: *145* /QĐ-SNN

Yên Bái, ngày *29* tháng *6* năm 2021

## QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định phân công và phối hợp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh Yên Bái**

### GIÁM ĐỐC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

*Căn cứ Luật An toàn thực phẩm ngày 17 tháng 6 năm 2010;*

*Căn cứ Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm;*

*Căn cứ Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ, sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế;*

*Căn cứ Thông tư liên tịch số 14/2015/TTLT-BNNPTNT-BNV ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện;*

*Căn cứ Thông tư số 15/2015/TT-BNNPTNT ngày 26 tháng 3 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn nhiệm vụ các Chi cục và các tổ chức sự nghiệp trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;*

*Căn cứ Thông tư số 17/2018/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định phương thức quản lý an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất kinh doanh nông lâm thủy sản không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;*

*Căn cứ Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;*

*Căn cứ Quyết định số 1290/QĐ-BNN-TCCB ngày 17 tháng 4 năm 2015 về việc phân công, phân cấp trong hoạt động kiểm tra, giám sát, thanh tra chuyên ngành an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;*

Căn cứ Quyết định số 4070/QĐ-BNN-QLCL ngày 14 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành bộ tiêu chí và quy trình đánh giá, xếp hạng công tác quản lý an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản tại các địa phương;

Căn cứ Quyết định số 08/2021/QĐ-UBND ngày 14 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc ban hành Quy định phân cấp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Yên Bái;

Căn cứ Quyết định số 27/2016/QĐ-UBND ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái, ban hành Quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Yên Bái;

Theo đề nghị của Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản tại Tờ trình số 07/TTr-CCQLCL ngày 29 tháng 6 năm 2021.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định phân công và phối hợp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh Yên Bái.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 55/QĐ-SNN ngày 07/6/2017 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Quy chế phối hợp thực hiện công tác quản lý nhà nước về vật tư nông nghiệp và an toàn thực phẩm nông, lâm, thủy sản thuộc trách nhiệm quản lý của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh Yên Bái.

**Điều 3.** Chánh văn phòng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chi cục trưởng các Chi cục: Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản; Chăn nuôi và Thú y; Trồng trọt và Bảo vệ thực vật; Thủy sản; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- UBND tỉnh;
- Đ/c PCT UBND tỉnh phụ trách NN;
- Sở Y tế;
- Sở Công thương;
- Các đồng chí lãnh đạo Sở NN và PTNT;
- Các phòng thuộc Sở NN và PTNT;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, CCQLCL.

**GIÁM ĐỐC**



**Đinh Đăng Luận**



UBND TỈNH YÊN BÁI  
**SỞ NÔNG NGHIỆP  
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## **QUY ĐỊNH**

### **Phân công và phối hợp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh Yên Bái**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 145/QĐ-SNN ngày 29 tháng 6 năm 2021 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Yên Bái)*

## **Chương I**

### **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định về phân công và phối hợp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm (viết tắt là ATTP) thuộc phạm vi quản lý của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh Yên Bái.

#### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Cơ quan được phân công thực hiện quản lý nhà nước về ATTP nông, lâm, thủy sản thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
2. Các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản.
3. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

## **Chương II**

### **NỘI DUNG PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ ATTP**

#### **Điều 3. Nguyên tắc phân công trách nhiệm quản lý nhà nước về ATTP**

1. Quản lý về ATTP dựa trên cơ sở các quy định của Luật ATTP và bảo đảm phù hợp với các văn bản pháp luật có liên quan.
2. Thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước về ATTP nông, lâm, thủy sản theo Quyết định số 08/2021/QĐ-UBND ngày 14 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc ban hành Quy định phân cấp quản lý nhà nước về ATTP trên địa bàn tỉnh Yên Bái và Khoản 4, 5, 6, 7 Điều 3 Quy định này.
3. Bảo đảm nguyên tắc một cửa, một sản phẩm, một cơ sở sản xuất, kinh doanh chỉ chịu sự quản lý của một cơ quan quản lý nhà nước.
4. Đối với cơ sở sản xuất nhiều loại thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của từ 2 đơn vị trở lên hoặc cơ sở vừa sản xuất, vừa kinh doanh nhiều loại sản phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của từ 2 đơn vị quản lý trở lên thì Chi cục Quản

lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản chủ trì, cơ quan liên quan tham gia phối hợp theo yêu cầu của cơ quan chủ trì.

5. Nếu có phát sinh, Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan giải quyết hoặc báo cáo Giám đốc Sở trong trường hợp cần thiết.

#### **Điều 4. Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản**

1. Là Cơ quan đầu mối tham mưu, tổng hợp giúp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện chức năng quản lý nhà nước chuyên ngành và tổ chức thực thi pháp luật về chất lượng, ATTP trong suốt quá trình sản xuất, thu gom, sơ chế, chế biến, bảo quản, vận chuyển, kinh doanh; chế biến, thương mại nông, lâm, thủy sản trên địa bàn tỉnh.

2. Chịu trách nhiệm quản lý ATTP; cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP các cơ sở có đăng ký kinh doanh do cơ quan có thẩm quyền cấp đối với:

a) Các cơ sở sản xuất, thu gom, sơ chế, chế biến; cơ sở chuyên doanh, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản quy định tại Phụ lục ban hành theo Quy định này (*trừ các cơ sở do Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ Thực vật, Chi cục Chăn nuôi và Thú y, Chi cục Thủy sản quản lý, quy định tại Điều 5, Điều 6, Điều 7 Quy định này*).

b) Kho lạnh bảo quản thực phẩm nông, lâm, thủy sản (*trừ kho lạnh bảo quản sản phẩm động vật tươi sống do Chi cục Chăn nuôi và Thú y quản lý*).

c) Các sản phẩm, loại hình sản xuất khác thuộc ngành Nông nghiệp quản lý mà không quy định tại Điều 5, Điều 6, Điều 7.

3. Quản lý ATTP đối với chợ đầu mối, chợ đầu giá, phương tiện vận chuyển độc lập sản phẩm có nguồn gốc thực vật, thủy sản.

4. Quản lý ATTP và xác nhận bản cam kết sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản an toàn đối với các cơ sở quy định tại Khoản 2 Điều 4 nhưng không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP.

5. Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn, đào tạo và tập huấn các văn bản quy phạm pháp luật về ATTP, các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật cho tổ chức, cá nhân sản xuất, sơ chế, chế biến, kinh doanh sản phẩm nông, lâm, thủy sản và muối.

6. Chủ trì hoặc phối hợp với các Chi cục chuyên ngành thuộc Sở trong công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ được giao nhiệm vụ quản lý ATTP nông, lâm, thủy sản cấp tỉnh, huyện, xã.

7. Hằng quý, tiến hành thống kê, cập nhật danh sách các cơ sở thuộc phạm vi quản lý theo phân công quy định tại Khoản 2, Khoản 3 và Khoản 4 Điều này, làm cơ sở để thực hiện nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra, thẩm định, xếp loại.

8. Thực hiện thanh tra các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý theo Luật Thanh tra và các quy định hiện hành; hoạt động kiểm

tra, thẩm định thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Cục chuyên ngành và đảm bảo tần suất kiểm tra, thẩm định theo quy định.

9. Thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng danh sách các cơ sở đủ điều kiện và cơ sở chưa đủ điều kiện bảo đảm ATTP thuộc phạm vi quản lý.

10. Tiếp nhận bản tự công bố sản phẩm đối với các sản phẩm/nhóm sản phẩm thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; đăng tải tên tổ chức, cá nhân và tên các sản phẩm tự công bố trên trang thông tin điện tử của cơ quan tiếp nhận.

11. Chủ trì, phối hợp với các Chi cục chuyên ngành thuộc Sở và các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện chương trình giám sát ATTP, đánh giá nguy cơ và truy xuất nguyên nhân gây mất ATTP thuộc phạm vi quản lý tại địa phương; tổ chức việc thu hồi và xử lý thực phẩm mất an toàn theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Cục chuyên ngành.

12. Lưu trữ có hệ thống các hồ sơ liên quan đến hoạt động thống kê, thanh tra, kiểm tra, giám sát, thẩm định, xếp loại các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản thuộc phạm vi quản lý.

### **Điều 5. Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật.**

1. Chịu trách nhiệm quản lý ATTP; cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP các cơ sở có đăng ký kinh doanh do cơ quan có thẩm quyền cấp đối với loại hình sản xuất nông sản thực phẩm, bao gồm:

a) Cơ sở sản xuất ban đầu có nguồn gốc thực vật (*kể cả hoạt động sơ chế được thực hiện tại cơ sở trồng trọt*).

b) Cơ sở sản xuất ban đầu các loại nấm, mộc nhĩ.

*(Chi tiết tại Phụ lục ban hành theo Quy định này)*

2. Quản lý ATTP và xác nhận bản cam kết sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản an toàn đối với các cơ sở có Giấy đăng ký kinh doanh theo danh mục tại Khoản 1 Điều 5 nhưng không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP.

3. Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn, đào tạo, tập huấn các văn bản quy phạm pháp luật về ATTP, các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật cho cán bộ được giao nhiệm vụ quản lý ATTP nông, lâm, thủy sản cấp huyện, xã và các cơ sở sản xuất thực phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý.

4. Hằng quý, tiến hành thống kê, cập nhật danh sách các cơ sở thuộc phạm vi quản lý theo phân công quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này, làm cơ sở để thực hiện nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra, thẩm định, xếp loại.

5. Thực hiện thanh tra các cơ sở sản xuất thực phẩm thuộc phạm vi quản lý theo Luật Thanh tra và các quy định hiện hành; hoạt động kiểm tra, thẩm định thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Cục chuyên ngành và đảm bảo tần suất kiểm tra, thẩm định theo quy định.

6. Thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng danh sách các cơ sở đủ điều kiện và cơ sở chưa đủ điều kiện bảo đảm ATTP thuộc phạm vi quản lý.

7. Lưu trữ có hệ thống các hồ sơ liên quan đến hoạt động thống kê, thanh tra, kiểm tra, thẩm định, xếp loại các cơ sở sản xuất thực phẩm thuộc phạm vi quản lý.

### **Điều 6. Chi cục Chăn nuôi và Thú y**

1. Chịu trách nhiệm quản lý ATTP; cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP các cơ sở có đăng ký kinh doanh do cơ quan có thẩm quyền cấp đối với các loại hình sản xuất, kinh doanh thực phẩm có nguồn gốc động vật (*trừ động vật thủy sản*), bao gồm:

- a) Cơ sở sản xuất ban đầu.
- b) Cơ sở thu gom, giết mổ, sơ chế, cơ sở chuyên kinh doanh.
- c) Kho lạnh bảo quản sản phẩm động vật tươi sống.
- d) Mật ong và các sản phẩm từ mật ong: Mật ong cô đặc, pha loãng, sáp ong, phấn hoa, sữa ong chúa có lẫn hoặc không có mật ong.
- đ) Trứng động vật trên cạn và lưỡng cư.
- e) Sữa tươi nguyên liệu.

*(Chi tiết tại Phụ lục ban hành theo Quy định này)*

2. Quản lý ATTP đối với chợ đầu mối, chợ đấu giá, phương tiện vận chuyển độc lập thực phẩm có nguồn gốc động vật (*trừ động vật thủy sản*).

3. Quản lý ATTP và xác nhận bản cam kết sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản an toàn đối với các cơ sở quy định tại Khoản 1 Điều 6 nhưng không thuộc diện cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP.

4. Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn, đào tạo, tập huấn các văn bản quy phạm pháp luật về ATTP, các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật cho cán bộ được giao nhiệm vụ quản lý ATTP nông, lâm, thủy sản cấp huyện, xã và các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý.

5. Hằng quý, tiến hành thống kê, cập nhật danh sách các cơ sở thuộc phạm vi quản lý theo phân công quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 Điều này, làm cơ sở để thực hiện nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra, thẩm định, xếp loại.

6. Thực hiện thanh tra các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý theo Luật Thanh tra và các quy định hiện hành; hoạt động kiểm tra, thẩm định thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Cục chuyên ngành và đảm bảo tần suất kiểm tra, thẩm định theo quy định.

7. Thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng danh sách các cơ sở đủ điều kiện và cơ sở chưa đủ điều kiện bảo đảm ATTP thuộc phạm vi quản lý.

8. Lưu trữ có hệ thống các hồ sơ liên quan đến hoạt động thống kê, thanh tra, kiểm tra, thẩm định, xếp loại các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản thuộc phạm vi quản lý.

### **Điều 7. Chi cục Thủy sản**

1. Chịu trách nhiệm quản lý ATTP; cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP các cơ sở có đăng ký kinh doanh do cơ quan có thẩm quyền cấp đối với các loại hình sản xuất thực phẩm, bao gồm:

- a) Cơ sở nuôi trồng thủy sản thâm canh, bán thâm canh.
- b) Tàu cá, cảng cá, bến cá.

*(Chi tiết tại Phụ lục ban hành theo Quy định này)*

2. Quản lý điều kiện bảo đảm ATTP và xác nhận bản cam kết sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản an toàn đối với các cơ sở quy định tại Khoản 1 Điều 7 nhưng không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP.

3. Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn, đào tạo, tập huấn các văn bản quy phạm pháp luật về ATTP, các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật cho cán bộ được giao nhiệm vụ quản lý ATTP nông, lâm, thủy sản cấp huyện, xã và các cơ sở sản xuất thực phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý.

4. Hằng quý, tiến hành thống kê, cập nhật danh sách các cơ sở thuộc phạm vi quản lý theo phân công quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này, làm cơ sở để thực hiện nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra, thẩm định, xếp loại.

5. Thực hiện thanh tra các cơ sở sản xuất thực phẩm thuộc phạm vi quản lý theo Luật Thanh tra và các quy định hiện hành; hoạt động kiểm tra, thẩm định thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Cục chuyên ngành và đảm bảo tần suất kiểm tra, thẩm định theo quy định.

6. Thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng danh sách các cơ sở đủ điều kiện và cơ sở chưa đủ điều kiện bảo đảm ATTP thuộc phạm vi quản lý.

7. Lưu trữ có hệ thống các hồ sơ liên quan đến hoạt động thống kê, thanh tra, kiểm tra, thẩm định, xếp loại các cơ sở sản xuất thực phẩm thủy sản thuộc phạm vi quản lý.

## **Chương III**

### **PHỐI HỢP TRONG QUẢN LÝ ATTP NÔNG, LÂM, THỦY SẢN**

#### **Điều 8. Nguyên tắc phối hợp**

1. Căn cứ Luật ATTP và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.
2. Phối hợp chặt chẽ giữa các Chi cục được phân công thuộc Sở; giữa các Chi cục với các đơn vị, chính quyền địa phương và các tổ chức, cá nhân có liên quan.
3. Đảm bảo tính khoa học, không chồng chéo.

#### **Điều 9. Nội dung phối hợp**

Trong lĩnh vực được phân công quản lý, các Chi cục có trách nhiệm:

1. Phối hợp chặt chẽ trong tham mưu, thực hiện quản lý nhà nước về ATTP nông, lâm, thủy sản; phối hợp hoạt động thông tin, giáo dục, truyền thông về ATTP.

2. Phối hợp giám sát, phòng ngừa, ngăn chặn ô nhiễm thực phẩm, ngộ độc thực phẩm, sự cố thực phẩm mất an toàn. Khi có sự cố mất ATTP, cơ quan chủ trì có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan liên quan xử lý sự cố, truy xuất nguyên nhân và xử lý thực phẩm không đảm bảo an toàn theo quy định.

3. Khi có yêu cầu phối hợp thanh tra, kiểm tra, thẩm định, xử lý vi phạm của đơn vị chủ trì hoặc theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền, các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm phối hợp triển khai thực hiện các nội dung, nhiệm vụ thuộc phạm vi, lĩnh vực được phân công quản lý theo quy định của pháp luật.

## **Chương IV**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 10. Điều khoản thi hành**

1. Các Chi cục: Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản; Trồng trọt và Bảo vệ thực vật; Chăn nuôi và thú y; Thủy sản căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao và các quy định hiện hành của pháp luật để tổ chức triển khai thực hiện các nội dung của Quy định này.

2. Định kỳ vào ngày 15 hằng tháng, quý, 06 tháng và 01 năm các Chi cục báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kết quả thực hiện nhiệm vụ được phân công tại Quy định này (*Riêng báo cáo năm, các Chi cục gửi kèm theo bản phôi tờ các tài liệu minh chứng để làm cơ sở đánh giá, xếp hạng công tác quản lý ATTP nông, lâm, thủy sản theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*). Giao Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản là đơn vị đầu mối tiếp nhận và tổng hợp báo cáo theo quy định.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh, vướng mắc đơn vị làm đầu mối có trách nhiệm tổng hợp, tham mưu, đề xuất với Giám đốc Sở để thống nhất sửa đổi, bổ sung Quy chế này cho phù hợp.

#### **Điều 11. Quy định chuyển tiếp**

1. Các cơ sở sản xuất, kinh doanh đã được cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP và các cơ sở đã ký cam kết sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản an toàn trước ngày Quyết định này có hiệu lực được tiếp tục sử dụng đến khi hết thời hạn ghi trên giấy.

2. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu các quy định trong văn bản này được thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung thì áp dụng các quy định theo văn bản thay thế hoặc sửa đổi bổ sung phù hợp quy định./.



## Phụ lục

**PHÂN CÔNG QUẢN LÝ CÁC LOẠI HÌNH SẢN XUẤT, KINH DOANH CÁC SẢN PHẨM/NHÓM SẢN PHẨM THỰC PHẨM;  
HÀNG HÓA THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ CỦA NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**  
(Kèm theo Quy định kèm theo Quyết định số: 145/QĐ-SNN ngày 29/6/2021 của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Yên Bái)

TT	Tên sản phẩm/nhóm sản phẩm	Phân công đơn vị quản lý theo từng công đoạn						Ghi chú
		Sản xuất ban đầu (kể cả gắn với sơ chế)	Sơ chế độc lập	Chế biến	Thu gom	Kinh doanh (chuyên doanh)	Bảo quản (kể cả kho lạnh)	
<b>I</b>	<b>Ngũ cốc</b>							
1	Ngũ cốc	TT & BVTV	QLCL	QLCL	QLCL	QLCL	QLCL	
2	Ngũ cốc đã sơ chế, chế biến (xay xát, cắt, tách vỏ, tách cám, dạng mảnh, nảy mầm, xử lý nhiệt,...)		QLCL	QLCL	QLCL	QLCL	QLCL	Trừ các sản phẩm dạng bột, tinh bột và chế biến từ bột, tinh bột do ngành Công thương quản lý
<b>II</b>	<b>Thịt và các sản phẩm từ thịt</b>							
1	Sản xuất các sản phẩm thực phẩm có nguồn gốc động vật (trừ động vật thủy sản)	CN&TY						
2	Thịt dạng tươi, ướp đá, giữ mát, đông lạnh (nguyên con, pha lọc, cắt lát, mảnh, xay, viên,...)		CN&TY	CN&TY	CN&TY	CN&TY	CN&TY	
3	Phụ phẩm ăn được của gia súc, gia cầm (nội tạng, xương, chân, cổ, cánh, mỡ, máu,...)		CN&TY	CN&TY	CN&TY	CN&TY	CN&TY	

TT	Tên sản phẩm/nhóm sản phẩm	Phân công đơn vị quản lý theo từng công đoạn						Ghi chú
		Sản xuất ban đầu (kể cả gắn với sơ chế)	Sơ chế độc lập	Chế biến	Thu gom	Kinh doanh (chuyên doanh)	Bảo quản (kể cả kho lạnh)	
4	Sản phẩm chế biến từ thịt và phụ phẩm ăn của gia súc, gia cầm (khô, hun khói, đồ hộp, xử lý nhiệt, ướp muối, collagen, gelatin...)			QLCL	QLCL	QLCL	QLCL	Trừ thực phẩm chức năng do ngành Y tế quản lý
5	Sản phẩm phối chế có chứa thịt (giò, chả, nem, Lạp sườn, salami, xúc xích, Jăm bông, Pa tê, thịt bao bột, tằm bột, tằm bột, ngâm dầu, súp, nước ép, nước chiết,...)			QLCL	QLCL	QLCL	QLCL	Trừ sản phẩm dạng bánh do ngành Công Thương quản lý.
<b>III</b>	<b>Thủy sản và sản phẩm thủy sản (bao gồm các loài lưỡng cư)</b>							
1	Thủy sản sống, tươi, ướp đá, bảo quản lạnh (dạng nguyên con, sơ chế, fillet, xay, viên, cắt lát, bóc vỏ, cán mỏng,...)	TS*	QLCL	QLCL	QLCL	QLCL	QLCL	* Không gắn với sơ chế
2	Phụ phẩm thủy sản dùng làm thực phẩm (da, vây, bóng, mỡ, gan, trứng,... của các loài thủy sản)		QLCL	QLCL	QLCL	QLCL	QLCL	
3	Sản phẩm chế biến từ thủy sản và các phụ phẩm thủy sản dùng làm thực phẩm (lên men, dạng mắm, gia nhiệt, xông khói, khô, ướp muối, ngâm nước muối, bao bột, ngâm dầu, dịch chiết, nước ép, gelatin, collagen... kể		QLCL	QLCL	QLCL	QLCL	QLCL	Trừ thực phẩm chức năng do ngành Y tế quản lý

TT	Tên sản phẩm/nhóm sản phẩm	Phân công đơn vị quản lý theo từng công đoạn						Ghi chú
		Sản xuất ban đầu (kể cả gắn với sơ chế)	Sơ chế độc lập	Chế biến	Thu gom	Kinh doanh (chuyên doanh)	Bảo quản (kể cả kho lạnh)	
	cả có sử dụng hóa chất, phụ gia, chất hỗ trợ chế biến)							
4	Mỡ và dầu có nguồn gốc từ thủy sản được tinh chế hoặc chưa tinh chế dùng làm thực phẩm		QLCL	QLCL	QLCL	QLCL	QLCL	Trừ thực phẩm chức năng, được phẩm có nguồn gốc từ thủy sản do ngành Y tế quản lý.
5	Sản phẩm thủy sản phối trộn với bột, tinh bột, bao bột, sữa chế biến, dầu thực vật (bao gồm cả phồng tôm, cá, mực,...)			QLCL	QLCL	QLCL	QLCL	Trừ sản phẩm dạng bánh do ngành Công Thương quản lý.
6	Rong biển, tảo và các sản phẩm sản xuất từ rong biển, tảo dùng làm thực phẩm		QLCL	QLCL	QLCL	QLCL	QLCL	Trừ thực phẩm chức năng có nguồn gốc từ rong, tảo do ngành Y tế quản lý.
<b>IV</b>	<b>Rau, củ, quả và sản phẩm rau, củ, quả</b>							
1	Rau, củ, quả tươi và sơ chế (cắt mảnh, tách vỏ, tách hạt, tách múi, xay,...)	TT&BVTV	QLCL	QLCL	QLCL	QLCL	QLCL	Trừ các loại rau, củ, quả, hạt làm giống
2	Rau, củ, quả chế biến (lên men, làm khô, xử lý nhiệt, dạng bột, đóng hộp, tằm bột, ngâm dấm, ngâm dầu, ngâm		QLCL	QLCL	QLCL	QLCL	QLCL	Trừ các sản phẩm dạng bánh, mứt, kẹo, ô mai và nước

TT	Tên sản phẩm/nhóm sản phẩm	Phân công đơn vị quản lý theo từng công đoạn						Ghi chú
		Sản xuất ban đầu (kể cả gắn với sơ chế)	Sơ chế độc lập	Chế biến	Thu gom	Kinh doanh (chuyên doanh)	Bảo quản (kể cả kho lạnh)	
	đường, bao bột, dịch chiết, nước ép,...)							giải khát do ngành Công Thương quản lý.
<b>V</b>	<b>Trứng và các sản phẩm từ trứng</b>							
1	Trứng động vật trên cạn và lưỡng cư		CN&TY	QLCL	CN&TY	CN&TY	CN&TY	
2	Trứng động vật trên cạn và lưỡng cư đã sơ chế, chế biến (bóc vỏ, đóng bánh, đông lạnh, nghiền bột, xử lý nhiệt, muối, ngâm ướp thảo dược,...)		CN&TY	QLCL	CN&TY	CN&TY	CN&TY	
3	Các loại thực phẩm phối chế có chứa trứng, bột trứng			QLCL	QLCL	QLCL	QLCL	Trừ bánh kẹo có thành phần là trứng, bột trứng do ngành Công Thương quản lý.
<b>VI</b>	<b>Sữa tươi nguyên liệu</b>	CN&TY						
<b>VII</b>	<b>Mật ong và các sản phẩm từ mật ong</b>							
1	Mật ong nguyên chất, cô đặc, pha loãng	CN&TY	CN&TY	QLCL	CN&TY	CN&TY	CN&TY	
2	Sáp ong, phấn hoa, sữa ong chúa có lẫn hoặc không có mật ong	CN&TY	CN&TY	QLCL	CN&TY	CN&TY	CN&TY	

TT	Tên sản phẩm/nhóm sản phẩm	Phân công đơn vị quản lý theo từng công đoạn						Ghi chú
		Sản xuất ban đầu (kể cả gắn với sơ chế)	Sơ chế độc lập	Chế biến	Thu gom	Kinh doanh (chuyên doanh)	Bảo quản (kể cả kho lạnh)	
3	Các sản phẩm có chứa mật ong, sáp ong, phấn hoa, sữa ong chúa			QLCL	QLCL	QLCL	QLCL	Trừ bánh, mứt, kẹo, đồ uống có mật ong làm nước giải khát do ngành Công Thương quản lý. Trừ thực phẩm chức năng, dược phẩm do ngành Y tế quản lý.
<b>VIII</b>	<b>Thực phẩm biến đổi gen</b>	QLCL	QLCL	QLCL	QLCL	QLCL	QLCL	
<b>IX</b>	<b>Muối</b>							
1	Muối biển, muối mỏ	QLCL	QLCL	QLCL	QLCL	QLCL	QLCL	
2	Muối tinh chế, chế biến, phối trộn với các thành phần khác	QLCL	QLCL	QLCL	QLCL	QLCL	QLCL	
<b>X</b>	<b>Gia vị</b>							
1	Gia vị đơn chất, hỗn hợp, gia vị có nguồn gốc động vật, thực vật (bột hương liệu từ thịt, xương, dạng bột, dịch chiết, mù tạt,...)	QLCL	QLCL	QLCL	QLCL	QLCL	QLCL	Trừ gia vị đi kèm sản phẩm chế biến từ bột, tinh bột (mì ăn liền, cháo ăn liền,...) do ngành Công Thương quản lý
2	Nước xốt và các chế phẩm làm nước		QLCL	QLCL	QLCL	QLCL	QLCL	

TT	Tên sản phẩm/nhóm sản phẩm	Phân công đơn vị quản lý theo từng công đoạn						Ghi chú
		Sản xuất ban đầu (kể cả gắn với sơ chế)	Sơ chế độc lập	Chế biến	Thu gom	Kinh doanh (chuyên doanh)	Bảo quản (kể cả kho lạnh)	
	xốt							
3	Tương, nước chấm		QLCL	QLCL	QLCL	QLCL	QLCL	
4	Các loại quả thuộc chi Capsicum hoặc chi Pimenta, tươi, khô, xay hoặc nghiền	TT&BVTV	QLCL	QLCL	QLCL	QLCL	QLCL	
<b>XI</b>	<b>Đường</b>							
1	Đường mía hoặc đường củ cải và đường sucroza tinh khiết về mặt hóa học, ở thể rắn	TT&BVTV	QLCL	QLCL	QLCL	QLCL	QLCL	
2	Đường khác (kể cả đường lactoza, mantoza, glucoza và fructoza, tinh khiết về mặt hóa học, ở thể rắn; xirô đường chưa pha thêm hương liệu hoặc chất màu; mật ong nhân tạo đã hoặc chưa pha trộn với mật ong tự nhiên; đường caramen)			QLCL	QLCL	QLCL	QLCL	
3	Mật thu được từ chiết xuất hoặc tinh chế đường			QLCL	QLCL	QLCL	QLCL	
<b>XII</b>	<b>Chè</b>							
1	Chè tươi, chế biến đã hoặc chưa pha hương liệu	TT&BVTV	QLCL	QLCL	QLCL	QLCL	QLCL	Trừ sản phẩm đã pha dạng nước giải khát; bánh, mứt, kẹo

TT	Tên sản phẩm/nhóm sản phẩm	Phân công đơn vị quản lý theo từng công đoạn						Ghi chú
		Sản xuất ban đầu (kể cả gắn với sơ chế)	Sơ chế độc lập	Chế biến	Thu gom	Kinh doanh (chuyên doanh)	Bảo quản (kể cả kho lạnh)	
								có chứa chè do ngành Công Thương quản lý.
2	Các sản phẩm trà từ thực vật khác	TT&BVTV	QLCL	QLCL	QLCL	QLCL	QLCL	Trừ sản phẩm đã pha dạng nước giải khát, do ngành Công Thương quản lý.
<b>XIII</b>	<b>Cà phê</b>							
1	Cà phê hạt tươi, khô, chất chiết xuất, tinh chất và các chất cô đặc từ cà phê		QLCL	QLCL	QLCL	QLCL	QLCL	
2	Cà phê, rang hoặc chưa rang, đã hoặc chưa khử chất ca-phê-in; vỏ quả và vỏ lụa cà phê; các chất thay thế cà phê có chứa cà phê theo tỷ lệ nào đó; dạng bột chiết có hoặc không có đường, sữa, kem để pha uống liền, các sản phẩm chế biến có chứa cà phê		QLCL	QLCL	QLCL	QLCL	QLCL	Trừ sản phẩm đã pha dạng nước giải khát; bánh kẹo, mứt có chứa cà phê do ngành Công Thương quản lý.
<b>XIV</b>	<b>Ca cao</b>							
1	Hạt ca cao tươi, khô, đã hoặc chưa vỡ mảnh, sống hoặc đã rang; vỏ quả, vỏ hạt, vỏ lụa và phế liệu ca cao khác; bột ca cao nhão, đã hoặc chưa khử		QLCL	QLCL	QLCL	QLCL	QLCL	

TT	Tên sản phẩm/nhóm sản phẩm	Phân công đơn vị quản lý theo từng công đoạn						Ghi chú
		Sản xuất ban đầu (kể cả gắn với sơ chế)	Sơ chế độc lập	Chế biến	Thu gom	Kinh doanh (chuyên doanh)	Bảo quản (kể cả kho lạnh)	
	chất béo, bơ ca cao, mỡ và dầu ca cao; bột ca cao, chưa pha thêm đường hoặc chất ngọt khác							
2	Các chế phẩm từ ca cao dạng bột đã rang xay, không rang xay, dạng đặc, lỏng, bột uống liền có hoặc không có đường, sữa, kem, chế phẩm khác có chứa ca cao		QLCL	QLCL	QLCL	QLCL	QLCL	Trừ sản phẩm uống dạng nước giải khát; bánh kẹo, mứt có chứa ca cao do ngành Công Thương quản lý
<b>XV</b>	<b>Hạt tiêu</b>							
1	Hạt tiêu (chi Piper) khô, tươi, hạt tiêu xay, nghiền		QLCL	QLCL	QLCL	QLCL	QLCL	
2	Các loại quả thuộc chi Capsicum hoặc chi Pimenta, tươi, khô, xay hoặc nghiền		QLCL	QLCL	QLCL	QLCL	QLCL	
<b>XVI</b>	<b>Điều</b>							
1	Hạt điều		QLCL	QLCL	QLCL	QLCL	QLCL	
2	Các sản phẩm chế biến từ hạt điều		QLCL	QLCL	QLCL	QLCL	QLCL	Trừ bánh, mứt, kẹo có chứa hạt điều do ngành Công Thương quản lý.







TT	Tên sản phẩm/nhóm sản phẩm	Phân công đơn vị quản lý theo từng công đoạn						Ghi chú
		Sản xuất ban đầu (kể cả gắn với sơ chế)	Sơ chế độc lập	Chế biến	Thu gom	Kinh doanh (chuyên doanh)	Bảo quản (kể cả kho lạnh)	
XIX	Nước đá sử dụng để bảo quản, chế biến sản phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	QLCL	QLCL	QLCL	QLCL	QLCL	QLCL	

Ghi chú:

- QLCL: Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản.
- TT&BVTV: Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật.
- CN&TY: Chi cục Chăn nuôi và Thú y.
- TS: Chi cục Thủy sản.